TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 836/2018/KDTM-PT
Ngày: 14-9-2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng thuê xe"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng thuê xe".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2018/KDTM-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3338/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2;

Địa chỉ: Số 985 đường PVB, Phường MH, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Thành L (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2018) (có mặt)

Địa chỉ: Số 20, đường số 8, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1) Ông Nguyễn Thanh T

2) Bà Phan Thị Mỹ Ph

Cùng địa chỉ: Số 187 đường NVN, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông T và bà Ph: Bà Nguyễn Hồng Cẩm Th

(Theo Giấy ủy quyền ngày 14/12/2017 và ngày 07/3/2018) (có mặt).

Địa chỉ: Số 26 đường ĐDA, Phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

Nguyên đơn có ông Bùi Thành L đại diện trình bày: Ngày 15/6/2011 Công ty CP Điện tử và Viễn Thông T2 (gọi tắt là Công ty T2) có ký hợp đồng cho Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Dịch Vụ NTT (gọi tắt là Công ty NTT) thuê 01 chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic, màu đỏ, đời 2009, với đăng ký biển số: 56N-1503; Tiền thuê xe theo Hợp đồng là: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng)/tháng; Thời hạn thuê xe là: 12 tháng, từ ngày 15/6/2011 đến ngày 15/6/2012.

Sau đó, Công ty T2 và Công ty NTT tiếp tục ký Hợp đồng thuê xe Honda Civic nêu trên thêm 02 năm (từ ngày 01/01/2012 đến ngày 01/01/2014); Giá tiền thuê xe vẫn như hợp đồng trước: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng)/tháng.

Khi thực hiện hợp đồng thuê xe Công ty NTT còn nợ 13 tháng tiền thuê xe cụ thể như sau: Năm 2011, thanh toán đủ; Năm 2012, nợ 02 tháng là tháng 11, tháng 12; Năm 2013 chỉ thanh toán tháng 05, còn nợ 11 tháng. Như vậy, tính đến ngày 01/01/2014 (ngày chấm dứt hợp đồng thuê xe thứ 2), Công ty NTT còn nợ Công ty T2 tiền thuê xe tổng cộng là: 14.000.000 đồng x 13 tháng = 182.000.000 đồng. Hết hạn hợp đồng, Công ty NTT không trả lại xe cho Công ty T2.

Theo các chứng cứ do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, thể hiện Công ty NTT gồm có 02 thành viên là ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph. Đồng thời, Công ty NTT khi khai báo giải thể, trong tờ khai danh sách số nợ đã khai: không có nợ, là không đúng thực tế. Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2005 và khoản 4, khoản 5 Điều 40 Nghị định 102/2010/NĐ-CP thì "*Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp*". Do đó, ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải có trách nhiệm trả xe hoặc giá trị tương đương của chiếc xe ô tô; trả tiền thuê xe còn nợ và bồi thường giá trị thiệt hại những tháng không trả xe tương đương với tiền thuê xe cho Công ty T2.

Đến khoảng tháng 01/2016, Công ty T2 mới biết Công ty NTT đã giải thể; nên vào ngày 24/11/2016, Công ty T2 mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Hiện nay, Công ty T2 không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã yêu cầu Công ty NTT trả xe, cũng như trả tiền thuê xe vì các bên chỉ làm việc qua điện thoại, không xác lập văn bản. Và hiện nay, chiếc xe ô tô Honda Civic, biển số 56N-1503, màu đỏ, đời 2009 của Công

ty T2 đã bị mất, nên Công ty T2 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải trả cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 giá trị chiếc xe ô tô Honda Civic, biển số 56N-1503 màu đỏ, đời 2009 với số tiền là 650.000.000 đồng;

2. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải trả cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền thuê xe còn nợ là 182.000.000 đồng;

3. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền mỗi tháng, tương ứng với tiền thuê xe là: 14.000.000 đồng, kể từ ngày 01/01/2014 cho đến nay (24/4/2018 – ngày xét xử sơ thẩm), tạm tính là 51 tháng: 14.000.000 đồng x 51 tháng = 714.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm mười bốn triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền Công ty NTT có trách nhiệm phải trả cho Công ty T2 tổng số tiền là: 650.000.000 + 182.000.000 + 714.000.000 = 1.546.000.000 đồng (*Bằng chữ : Một tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng*). Vì Công ty NTT đã giải thể nên ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty T2 số tiền: 1.546.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Thực hiện một lần ngay sau bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – ông Nguyễn Thanh T có bà Nguyễn Hồng Cẩm Th đại diện ủy quyền trình bày: Ngày 15/6/2011, Công ty NTT có thuê xe ôtô hiệu Honda Civic, biển số: 56N-1503 của Công ty T2, thời hạn là: 01 năm. Mục đích thuê kinh doanh xe tự lái. Trong lúc hết thời hạn hợp đồng thì xảy ra biến cố ngoài ý muốn: Vào lúc 21 giờ ngày 21/6/2012, tài xế Dương Văn Ng - nhân viên Công ty NTT đã đem xe đến tận nhà giao cho Phạm Văn Kh, ngụ tại: 42/78 đường HHT, Phường B, quận BTh thuê. Hợp đồng thuê xe đi 05 ngày, từ ngày 21/6/2012 đến ngày 26/6/2012 với giá tiền là: 5.500.000 đồng. Kh trả trước tiền thuê xe là 2.600.000 đồng, đặt cọc: 15.000.000 đồng. Sáng ngày 27/6/2012, qua kiểm tra thiết bị định vị gắn trên xe thì được báo xe đang ở Nha Trang - Khánh Hòa nhưng điện thoại cho Kh không được. Công ty đã cử người đi kiểm tra thực tế thì phát hiện thiết bị định vị đã bị tháo khỏi xe, nên Công ty làm đơn trình báo cơ quan Công an. Công ty NTT đã trình bày sự việc trên với Giám đốc Công ty T2 – ông Nguyễn Anh T2. Chính ông T2 cũng biết sự việc, thông cảm và động viên cho người đi tìm kiếm xe. Vào thời điểm lúc bấy giờ xe đang trả góp tại Ngân hàng VID Public - chi nhánh Chợ lớn; nên ông T2 đề nghị với Ban Giám đốc Công ty làm lại hợp đồng mới với thời hạn 02 năm (từ 01/01/2012 đến 01/01/2014), để trình với Ngân hàng hỗ trợ và trợ giúp trong việc tìm xe. Ông T2 có yêu cầu trả tiền thuê xe 01 năm và Công ty NTT đã trả tiền thuê xe đến tháng 05/2013. Tuy nhiên, do Công ty NTT đã giải thể, nên không còn lưu giữ hồ sơ về việc đã trả tiền thuê xe cho Công ty T2 để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 23/5/2013, ông Kh bị bắt ở Cần Thơ. Ngày 10/4/2015, Tòa án nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử theo Bản án hình sự số: 102/2015/HSST, trong đó có nội dung ông Kh phải bồi thường cho Công ty NTT số tiền 605.000.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng tại thời điểm 06/2012). Nhưng cho đến nay ông Kh vẫn chưa thực hiện việc bồi thường cho Công ty NTT và ông T cũng không biết xe hiện đang ở đâu, tình trạng thế nào.

Trên thực tế, giả sử cho rằng Công ty T2 không hề biết gì về việc mất xe, thì hàng năm Công ty T2 phải đưa xe đi đăng kiểm, đăng ký mua bảo hiểm cho xe theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì việc mất xe đã xảy ra từ tháng 06/2012 và Công ty T2 biết rõ điều này, nên từ tháng 06/2012 Công ty T2 cũng không thực hiện bất cứ nghĩa vụ liên quan nào đến việc mua bảo hiểm, đăng kiểm xe. Do đó không thể có việc Công ty NTT tiếp tục sử dụng xe của Công ty T2 từ tháng 07/2012 cho đến 01/01/2014 và nợ tiền thuê xe từ tháng 11, 12/2012 cũng như các tháng về sau như trình bày của Công ty T2. Chứng minh cho việc Công ty NTT không còn nợ tiền thuê xe của Công ty T2 là Công ty T2 không có bất cứ chứng từ, văn bản nào từ việc đòi nợ, không có bất cứ hóa đơn nào xuất cho Công ty NTT về việc thuê xe. Việc thanh toán tiền mà ông T thực hiện là bởi vì giữa cá nhân ông T và ông T2 trước đó có mối quan hệ thân thiết, nên ông T2 có giao xe cho ông T sử dụng và ông T hỗ trợ cho ông T2 mà không đòi hỏi chứng từ. Việc ký hợp đồng thuê xe chỉ nhằm mục đích giúp ông T2 có thể mua được xe thông qua hình thức trả góp cho Ngân hàng, do vậy việc ký hợp đồng thuê xe giữa các bên chỉ là hình thức.

Ngoài ra, việc giải thể của Công ty NTT đã được thực hiện đúng theo quy định pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Hiện nay, ông T và bà Ph chỉ thừa nhận có nhận xe của ông T2, có thanh toán một khoản tiền nhưng cũng không có hóa đơn, chứng từ gì; có việc xe ô tô bị mất và hiện nay không biết tình trạng xe như thế nào.

Theo các chứng cứ của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, thể hiện Công ty NTT không khai báo còn các khoản nợ, là chính xác. Bởi vì muốn xác nhận nợ phải có biên bản xác nhận công nợ giữa hai công ty, tờ khai thuế tại thời điểm giải thể; cũng như hiện nay Công ty T2 không chứng minh được tư cách chủ nợ. Do đó, đề nghị Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T2 về việc đòi tiền thuê xe do việc ký hợp đồng thuê chỉ là hình thức. Công ty NTT trên thực tế không thuê xe của Công ty T2. Từ trước đến nay giữa các bên không có chứng từ thanh toán gì về việc thuê xe.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T2 về việc yêu cầu cá nhân các thành viên Công ty NTT phải chịu trách nhiệm trả nợ vì (i) Công ty T2 không chứng minh được tư cách chủ nợ đối với Công ty NTT; (ii) Công ty T2 không có chứng cứ nào cho thấy Công ty NTT vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình giải thể.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T2 về việc yêu cầu ông T trả lại xe, vì thực tế ông T không biết xe ô tô đang ở đâu.

4. Xem xét đề xuất của ông T: Vì hiện nay Công ty NTT đã giải thể mà ông Kh vẫn chưa bồi thường theo Bản án của TAND Tp.HCM, nên các thành viên Công ty NTT sẽ chuyển giao quyền đòi bồi thường và nhận tiền bồi thường cho Công ty T2 theo quy định tại khoản 6 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn được quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp giữa hai bên. Theo quy định pháp luật thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê xe là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm. Theo Bảng liệt kê các lần nhận tiền cho thuê xe do nguyên đơn cung cấp, lần cuối ông Tùng thanh toán tiền thuê xe là ngày 07/5/2013 và nguyên đơn cũng không chứng minh được sau thời gian này bị đơn đã thừa nhận khoản nợ và hứa sẽ thanh toán. Đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 24/11/2016, tức là đã quá thời hạn 02 năm, nên nguyên đơn không có quyền khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền thuê xe còn thiếu và bồi thường thiệt hại do bị đơn không trả xe. Đề nghị, Hội đồng xét xử không chấp nhận hai yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, vì không còn thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường một khoản tiền tương đương với giá trị của chiếc xe thì bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến phản bác như đã trình bày trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc các thành viên Công ty NTT sẽ chuyển giao quyền đòi bồi thường và nhận tiền bồi thường cho Công ty T2 từ ông Kh theo bản án hình sự đã có hiệu lực.

Bị đơn - Bà Phan Thị Mỹ Ph có bà Nguyễn Hồng Cẩm Th đại diện ủy quyền trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2018/KDTM-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải liên đới chịu trách nhiệm trả giá trị tương đương của chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic; Biển số: 56N-1503; Màu sơn: Đỏ; đời 2009 cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 với số tiền là 605.000.000 đồng;

Cụ thể:

Ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền: 423.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng);*

Bà Phan Thị Mỹ Ph có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền: 181.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng);*

Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Phan Thị Mỹ Ph phải:

- Thanh toán tiền thuê xe chưa thanh toán: 182.000.000 đồng;

- Bồi thường giá trị thiệt hại với số tiền tương đương tiền thuê xe tính từ 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/4/2018): 714.000.000 đồng;

3. Án phí KDTM sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 không được chấp nhận phần giá trị xe trị giá 45.000.000 đồng. Công ty T2 phải chịu án phí cho phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định pháp luật. Số tiền án phí Công ty T2 phải chịu là: 2.250.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 15.160.000 đồng mà Công ty đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0017433 ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền: 15.160.000 đồng - 2.250.000 đồng = 12.910.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm mười ngàn đồng).*

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là: 20.940.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).*

Bà Phan Thị Mỹ Ph phải chịu án phí là: 9.075.000 đồng *(Bằng chữ: Chín triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).*

Ngoài ra, còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 17/5/2018, ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán cho công ty T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty T2. Đồng thời, bị đơn vẫn đề nghị chuyển giao quyền đòi bồi thường và nhận tiền bồi thường cho Công ty T2 từ ông Kh theo bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận việc bị đơn đề nghị chuyển giao quyền đòi bồi thường và nhận tiền bồi thường từ ông Kh theo bản án hình sự đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền bồi thường chiếc xe là 605.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph còn trong thời hạn luật định hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 0303624617, đăng ký lần đầu ngày 06/01/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2009 thì Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch Vụ NTT có 02 thành viên như sau: Ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph; Đại diện theo pháp luật của công ty là ông NTT - chức danh: Giám đốc.

[3] Căn cứ văn bản số: 8019/PĐKKD-KT ngày 06/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch Vụ NTT đã giải thể ngày 05 tháng 6 năm 2015;

[4] Căn cứ Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 40 Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Doanh nghiệp.

[5] Xét thấy, căn cứ vào những quy định nêu thì ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph là những thành viên của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch Vụ NTT là bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng thuê xe với Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán cho công ty T2.

[7] Xét thấy, việc công ty NTT thuê xe một chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic; Biển số: 56N-1503; Màu sơn: Đỏ của công ty T2 và chưa giao trả lại xe cho Công ty T2 khi hết hạn hợp đồng thuê đã được các bên thừa nhận. Do đó, án sơ thẩm căn cứ tại Điều 487 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên thuê phải bảo quản tài sản thuê như tài sản của chính mình, phải bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ; nếu làm mất mát, hư hỏng thì phải bồi thường"* để chấp nhận yêu cầu của công ty T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với trách nhiệm của bên thuê xe phải bồi thường, thì theo nhận định của bản án sơ thẩm cho rằng Công ty NTT phải bồi thường khi làm mất xe là có căn cứ. Tuy nhiên do Công ty NTT đã giải thể ngày 05/6/2015 nhưng khi làm thủ tục giải thể, Công ty NTT tự xác nhận không có chủ nợ trong hồ sơ giải thể là không chính xác, không trung thực. Theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 40 Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật doanh nghiệp 2005 như sau *"....4. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp; 5. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 4 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước*

pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đầu tư". Do đó, án sơ thẩm nhận định ông T với tư cách là thành viên hội đồng thành viên, là giám đốc Công ty và bà Ph với tư cách là thành viên hội đồng thành viên phải liên đới chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ mà Công ty NTT phải thực hiện với Công ty T2 là hoàn toàn có căn cứ theo quy định nêu trên.

[9] Công ty T2 yêu cầu ông T, bà Ph phải trả cho Công ty T2 giá trị chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic, biển số: 56N-1503 với giá 650.000.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ theo Bản án hình sự số: 102/2015/HSST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe nêu trên có giá trị: 605.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty T2 về giá trị chiếc xe là 605.000.000 đồng, phần yêu cầu vượt quá là 45.000.000 đồng không được chấp nhận, là phù hợp.

[10] Bản án sơ thẩm đã tuyên ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải liên đới chịu trách nhiệm trả giá trị tương đương của chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic; biển số: 56N-1503; màu sơn: Đỏ; đời 2009 cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 với số tiền là 605.000.000 đồng là đúng với quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 40 Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 nêu trên. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhưng án sơ thẩm lại căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty NTT để xác định ông T chiếm tỉ lệ vốn góp là 70%, bà Ph chiếm tỉ lệ vốn góp là 30% để chia tỉ lệ nghĩa vụ của từng thành viên phải thi hành đối với giá trị chiếc xe là không đúng với quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 40 Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 nêu trên. Vì vậy, cấp phúc thẩm sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ thanh toán của bị đơn theo hướng ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải liên đới chịu trách nhiệm trả giá trị tương đương của chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic; biển số: 56N-1503; màu sơn: Đỏ; đời 2009 cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 với số tiền là 605.000.000 đồng; Hủy bỏ phần quyết định ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ Phần Điện Tử - Viễn Thông T2 số tiền: 423.500.000 đồng và bà Phan Thị Mỹ Ph có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền: 181.500.000 đồng.

[11] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ phải thi hành của bị đơn nên án phí sơ thẩm cũng sửa theo hướng ông T và bà Ph phải liên đới chịu án phí sơ thẩm theo quy định Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án đối với số tiền thi hành là 605.000.000 đồng thì án phí cụ thể phải chịu là 28.200.000 đồng.

[12] Do sửa bản án sơ thẩm nên ông T, bà Ph không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[13] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông NTT và bà Phan Thị Mỹ Ph.

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn;

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải liên đới chịu trách nhiệm trả giá trị tương đương của chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic; biển số: 56N-1503; màu sơn: Đỏ; đời 2009 cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 với số tiền là 605.000.000 đồng;

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí:

- Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 phải chịu án phí sơ thẩm là 2.250.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 15.160.000 đồng mà Công ty đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0017433 ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV, nay hoàn lại cho Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn thông T2 số tiền: 12.910.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm mười ngàn đồng).*

- Ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 28.200.000đồng.

- Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ Ph mỗi người là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0029367 và AA/2017/0029368 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ủ Thị Bạch Yến